

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17/12/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Tuyết

Bà Đinh Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý – Thư ký Tòa án nhân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hải - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tẩn Thị N

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Tẩn A N;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2024 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Tẩn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn Thị N và anh Tẩn A N kết hôn ngày 15/6/2017 tại UBND xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ, chồng sinh sống với nhà chồng tại Thôn Tân Quang, xã Trịnh Tường hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân chính là do giữa hai người luôn bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu anh N lại đánh bài, chị N đã nói rất nhiều nhưng anh N không nghe dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau tình cảm vợ, chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Vợ chồng sống không còn sự yêu thương, chia sẻ với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ông bà nội hai bên đã can thiệp hoà giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, chị Tần Thị N đã ở về mẹ đẻ ở thôn Sang Bang, xã Trịnh Tường sinh sống từ tháng 01/2024 và hai người đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Từ khi chị N và anh N sống ly thân đến hai người không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm và kinh tế. Nay chị Tần Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tần A N thực sự cũng không còn hạnh phúc, chị Tần Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tần A N.

Về con chung: Tần Thị N chị và anh Tần A N có 03 con chung tên Tần Minh N, sinh ngày 11/12/2014, Tần Minh K, sinh ngày 25/04/2017 và Tần Minh T, sinh năm 12/04/2020 hiện nay cháu Tần Minh T đang ở với chị N tại thôn Sang Sang, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, còn cháu Tần Minh N và cháu Tần Minh K đang ở với anh N ở thôn Tân Quang, xã Trịnh Tường. Nay ly hôn, chị Tần Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Tần Minh T, sinh năm 12/04/2020, còn anh N nuôi dưỡng cháu cháu Tần Minh N, sinh ngày 11/12/2014, Tần Minh K, sinh ngày 25/04/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N và anh N không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tần Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tần Thị N được ly hôn với anh Tần A N.

Về con chung: Giao cháu Tần Minh T, sinh năm 12/04/2020 cho chị Tần Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Tần Minh N, sinh ngày 11/12/2014 và cháu Tần Minh K, sinh ngày

25/04/2017 cho anh Tân A N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh N không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 02/10/2024 chị Tân Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai giải quyết việc ly hôn và nuôi con giữa chị và anh Tân A N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Quang, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Bát Xát đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Tân A N nhưng anh Tân A N không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tân Thị N. Nguyên đơn có đơn đề nghị không thể tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tân Thị N và anh Tân A N kết hôn với nhau vào ngày 15/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường hay rượu chè đánh đập chị N dẫn đến tình cảm vợ, chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra hai bên gia đình đã can thiệp hoà giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng trở lên trầm trọng. Chị N và anh N đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2024 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Tân Thị N và anh Tân A N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tân Thị N. Xử cho chị Tân Thị N được ly hôn với anh Tân A N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 03 người con chung là cháu Tân Minh N, sinh ngày 11/12/2014, cháu Tân Minh K, sinh ngày 25/04/2017 và cháu Tân

Minh T, sinh năm 12/04/2020. Khi ly hôn nguyên đơn xin được quyền nuôi dưỡng cháu Tấn Minh T, sinh năm 12/04/2020, còn anh Tấn A N nuôi dưỡng cháu Tấn Minh N, sinh ngày 11/12/2014, cháu Tấn Minh K, sinh ngày 25/04/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N và anh N không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lý Văn Thức hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Đối với cháu Tấn Minh N, sinh ngày 11/12/2014 và cháu Tấn Minh K, sinh ngày 25/04/2017 đều có ý kiến xin được ở với bố là anh Tấn A N. Chị N và anh N hiện nay đều làm nghề tự do mức thu nhập bình quân đối với lao động ở địa phương từ 150.000đ đến 200.000đ/ngày theo xác nhận của UBND xã Trinh Tường, huyện Bát Xát. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống cho các cháu cũng như quyền nuôi con của cha, mẹ khi ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Tấn Thị N. Giao cháu Tấn Minh T, sinh năm 12/04/2020 cho chị Tấn Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Tấn Minh N, sinh ngày 11/12/2014, cháu Tấn Minh K, sinh ngày 25/04/2017 cho anh Tấn A N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 – Luật Hôn nhân & gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1; khoản 3 Điều 228 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tấn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tấn Thị N được ly hôn với anh Tấn A N. Quan hệ hôn nhân giữa chị Tấn Thị N và anh Tấn A N chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Tấn Minh T, sinh năm 12/04/2020 cho chị Tấn Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Tấn Minh N, sinh ngày 11/12/2014, cháu Tấn Minh K, sinh ngày 25/04/2017 cho anh Tấn A N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm

sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Tân Thị N và anh Tân A N không bên nào phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi ly hôn, chị Tân Thị N và anh Tân A N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Tân Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002861 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Xác nhận chị Tân Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND huyện Bát Xát (2);
- Chi cục THADS huyện Bát Xát (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Trịnh Tường(1);
- (Kết hôn ngày 15/6/2017)
- Lưu Văn phòng (1),
- Lưu hồ sơ vụ án (1);

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND huyện Bát Xát (2);
- Chi cục THADS huyện Bát Xát (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Quang Kim(1);
- (Kết hôn ngày 15/02/2011)
- Lưu Văn phòng (1),
- Lưu hồ sơ vụ án (1);

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng

